

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2991 /ĐHBK-ĐTHT

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2026

Vv: Xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 02 “Xây dựng công trình, hệ thống kỹ thuật nội khu tại khu đất 62,64 ha của Cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại Hưng Yên”.

Kính gửi:

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	
ĐẾN	Số: 40001
	Ngày: 05/10/2026
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

- Sở Nông Nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Hưng Yên.
- Ủy ban Nhân dân xã Nghĩa Trụ; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nghĩa Trụ;
- Ủy ban Nhân dân xã Văn Giang; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Văn Giang.

Thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và các quy định pháp luật có liên quan, Đại học Bách khoa (ĐHBK) Hà Nội đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 02 “Xây dựng công trình, hệ thống kỹ thuật nội khu tại khu đất 62,64 ha của Cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại Hưng Yên” thuộc Dự án “Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất 68,21 ha của Cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại Hưng Yên” (sau đây gọi tắt là Dự án), được triển khai trên địa bàn xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Để có cơ sở hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định, ĐHBK Hà Nội trân trọng gửi đến Quý Cơ quan hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án kèm theo Công văn này và kính đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với các nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí thực hiện Dự án đầu tư;
2. Tác động môi trường của Dự án đầu tư;
3. Các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;
4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường;
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;
6. Các nội dung khác có liên quan đến Dự án đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Ý kiến tham vấn của Quý Cơ quan đối với các nội dung nêu trên, kính đề nghị gửi về Đại học Bách khoa Hà Nội trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản tham vấn, để Đại học Bách khoa Hà Nội có cơ sở tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định của pháp luật.

Thông tin tiếp nhận ý kiến tham vấn xin gửi về địa chỉ:

- Tên đơn vị nhận: Ban Xúc Tiến Đầu tư và Phát triển hạ tầng, ĐHBK Hà Nội.

- Địa chỉ: Số 1 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.

Đại học Bách khoa Hà Nội trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp và ý kiến đóng góp của Quý Cơ quan./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐTHT.



GS. TS. Vũ Văn Yên

PHỤ LỤC
TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Công văn số 2991 /ĐHBK-ĐTHT ngày 02 tháng 10 năm 2026)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

<i>Tên Dự án</i>	: Dự án thành phần 02 “Xây dựng công trình, hệ thống kỹ thuật nội khu tại khu đất 62,64 ha của Cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách Khoa Hà Nội tại Hưng Yên” thuộc dự án “Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất 68,21 ha của Cơ sở 2 – Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại Hưng Yên”.
<i>Địa điểm thực hiện dự án</i>	: Xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
<i>Chủ đầu tư</i>	: Đại học Bách Khoa Hà Nội
<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	: Số 1, đường Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội.
<i>Quyết định phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500</i>	: Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 30/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Cơ sở 2- Phân hiệu Đại học Bách Khoa Hà Nội tại Hưng Yên;
<i>Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư</i>	: Quyết định số 1971/QĐ-BGDDT ngày 08/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chủ trương đầu tư dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu đất 68,21 ha của Cơ sở 2 – Phân hiệu Đại học Bách Khoa Hà Nội tại Hưng Yên.
<i>Người đại diện theo pháp luật</i>	: Ông Lê Anh Tuấn – Chức vụ: Giám đốc đại học

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

*** Mục tiêu dự án:**

Mở rộng không gian phát triển ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên theo hướng hiện đại, xanh và phát triển bền vững đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo nhân tài gắn kết chặt chẽ với nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ - đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của đất nước.

Cụ thể hóa quy hoạch chung đô thị Văn Giang đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2023 và quy hoạch phân khu B2, đô thị Văn Giang tỉnh Hưng Yên (tỷ lệ 1/2000) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Đề xuất các giải pháp quy hoạch xây dựng Dự án với kiến trúc hiện đại, không gian

chức năng phù hợp, đồng bộ về hạ tầng nhằm tăng cường hiệu quả đào tạo và nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao của cả nước;

Xây dựng ĐHBK Hà Nội trung tâm đào tạo tài năng, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo xuất sắc, đứng đầu trong nước về khoa học, kỹ thuật và công nghệ; là hạt nhân mang lại cơ sở giáo dục đại học trọng điểm trong thu hút đầu tư và phát triển công nghệ cao, tạo động lực quan trọng cho phát triển Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và đất nước; thuộc nhóm 100-150 đại học hàng đầu châu Á theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín theo Quyết định số 663/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*** Công suất dự án:**

- Quy mô diện tích của dự án khoảng 624.410 m² (tương đương 62,64 ha)
- Quy mô đào tạo: 27.000 học viên.
- Số lượng cán bộ giảng dạy và người lao động: 1.200 người.

Phạm vi thực hiện dự án:

+ Phạm vi về không gian: Dự án đầu tư Xây dựng công trình, hệ thống kỹ thuật nội khu tại khu đất 62,64ha của Cơ sở 2 – Phân hiệu Đại học Bách Khoa Hà Nội tại Hưng Yên thực hiện trên khu đất có diện tích 626.410 m², thuộc địa phận quản lý của xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

+ Phạm vi về thời gian: Toàn bộ quá trình thực hiện dự án, bao gồm 03 giai đoạn: Giai đoạn chuẩn bị (không bao gồm giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng), giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Đại học Bách Khoa Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện, giám sát và quản lý giai đoạn chuẩn bị (không bao gồm giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng), giai đoạn thi công các hạng mục công trình dự án và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án trong giai đoạn xây dựng sẽ tập trung đánh giá tác động của hoạt động san nền, xây dựng các công trình khu điều hành quản lý chung, khu giảng đường, lớp học, phòng thí nghiệm, khu nghiên cứu khoa học, khu dịch vụ tổng hợp, khu ký túc xá và đánh giá hoạt động của dự án trong giai đoạn vận hành (hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động sinh hoạt của sinh viên khu ký túc xá).

*** Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Hiện trạng sử dụng đất khu vực thực hiện dự án chủ yếu là đất trồng cây ăn quả (nhãn, ôi, bưởi, hoa màu, cây cảnh), đất mặt nước (rãnh, kênh mương, ao hồ,...), một số công trình nhà cấp 4, nhà tạm, đường giao thông hiện trạng (đường đất, đường bê tông) với tổng diện tích là 682.173,7 m². Theo khoản 4, điều 25 của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi tại khoản 2, điều 5, Nghị định 48/2026/NĐ-CP thì khu vực thực hiện dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục đại học, thuộc nhóm các dự án về xây dựng, không phải dự án sản xuất nên không có công nghệ sản xuất. Công nghệ vận hành dự án chính là hoạt động đầu tư hạ tầng kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu về giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, xử lý nước thải, cấp điện chiếu sáng công cộng, giao thông và hệ thống thông tin liên lạc.

1.4. Các hạng mục công trình

Cơ cấu sử dụng đất của dự án cụ thể như sau:

Bảng 1. Cơ cấu sử dụng đất dự án

TT	Chức năng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	MĐXD tối đa	Tầng cao tối đa
			m^2	%	%	tầng
A	Đất lập dự án xây dựng Cơ sở 2 - Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên		626.410,0	100	40	15
1	Đất khu điều hành quản lý chung	HC	20.292,2	3,2	40	15
2	Đất khu giảng đường, lớp học, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu	DT	118.087,4	18,9	25-40	9
3	Đất khu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, không gian đổi mới sáng tạo	NC	51.911,2	8,3	40	15
4	Đất thể dục thể thao	TDTT	54.938,1	8,8	20	4
5	Đất trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh	GDQP	25.660,2	4,1	40	3
6	Đất khu dịch vụ tổng hợp phục vụ người học và cán bộ giảng viên	DV	17.415,1	2,8	40	3
7	Đất khu ký túc xá	KTX	49.219,0	7,9	40	15
8	Đất cây xanh tập trung	CX	127.338,2	20,3	5	1
9	Đất phục vụ nghiên cứu giai đoạn 2	DTPT	41.594,1	6,6	40	15
10	Đất giao thông		96.757,5	15,4	-	-
10.1	Đường giao thông nội bộ		52.424,1	8,3	-	-
10.2	Bãi đỗ xe	BDX	44.333,4	7,1	-	-
11	Đất hạ tầng kỹ thuật		23.197,0	3,7	40	1

TT	Chức năng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	MĐXD tối đa	Tầng cao tối đa
			m ²	%	%	tầng
11.1	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	5.382,1	0,9	-	-
11.2	Hạ tầng hoàn trả kênh mương	MHT	17.814,9	2,8	-	-
B	Đất giao thông đối ngoại (theo QHPK B2)		55.763,7	-	-	-
	Tổng cộng (A+B)		682.173,7	-	-	-

Bảng 2. Bảng thống kê số liệu các ô quy hoạch

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ	Diện tích xây dựng
			m ²	%	%	tầng	lần	m ²
A	Đất lập dự án xây dựng Cơ sở 2 - Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên		26.410,0	100,0				127.039
1	Đất khu điều hành quản lý chung	HC	20.292,2	3,2				8.117
1.1		HC01	20.292,2	-	40%	15	1,8	8.117
2	Đất khu giảng đường, lớp học, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu	DT	118.087,4	18,9				31.829
2.1		DT01	26.209,8	-	25%	9	1,0	6.552
2.2		DT02	19.738,8	-	25%	9	1,0	4.935
2.3		DT03	28.510,5	-	25%	9	1,0	7.128
2.4		DT04	15.377,9	-	40%	9	1,6	6.151
2.5		DT05	10.810,7	-	25%	9	1,0	2.703
2.6		DT06	17.439,7	-	25%	9	1,0	4.360

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số SDD	Diện tích xây dựng
			m ²	%	%	tầng	lần	m ²
3	Đất khu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, không gian đổi mới sáng tạo	NC	51.911,2	8,3				20.764
3.1		NC01	51.911,2		40%	15	4,6	20.764
4	Đất thể dục thể thao	TDTT	54.938,1	8,8				10.000
4.1		TDTT01	54.938,1		20%	4	0,8	10.000
5	Đất trung tâm giáo dục Quốc phòng - An ninh	GDQP	25.660,2	4,1				5.000
5.1		GDQP01	25.660,2	-	40%	3	0,4	5.000
6	Đất khu dịch vụ tổng hợp phục vụ người học và cán bộ giảng viên	DV	17.415,1	2,8				6.966
6.1		DV01	5.716,5	-	40%	3	1,2	2.287
6.2		DV02	4.308,8	-	40%	3	1,2	1.724
6.3		DV03	7.389,8	-	40%	3	1,2	2.956
7	Đất khu ký túc xá	KTX	49.219,0	7,9				19.688
7.1		KTX01	49.219,0	-	40%	15	2,5	19.688
8	Đất cây xanh tập trung	CX	127.338,2	20,3				3.838
8.1		CX01	5.268,7	-	-	-	-	-
8.2		CX02	9.762,3	-	5%	1	0,05	488
8.3		CX03	7.612,0	-	5%	1	0,05	381
8.4		CX04	12.975,5	-	-	-	-	-
8.5		CX05	4.826,6	-	-	-	-	-
8.6		CX06	7.815,3	-	5%	1	0,05	391

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số SĐĐ	Diện tích xây dựng
			m ²	%	%	tầng	lần	m ²
8.7		CX07	4.524,5	-	-	-	-	-
8.8		CX08	6.168,0	-	-	-	-	-
8.9		CX09	4.468,9	-	-	-	-	-
8.10		CX10	7.012,2	-	-	-	-	-
8.11		CX11	35.346,0	-	5%	1	0,05	1.767
8.12		CX12	16.231,8	-	5%	1	0,05	812
8.13		CX13	2.143,8	-	-	-	-	-
8.14		CX14	3.182,5	-	-	-	-	-
9	Đất phục vụ nghiên cứu giai đoạn 2	DTPT	41.594,1	6,6				16.638
9.1		DTPT01	41.594,1	-	40%	15	6,0	16.638
10	Đất giao thông		96.757,5	15,4	-	-	-	-
10.1	Đường giao thông nội bộ		52.424,1	8,3	-	-	-	-
10.2	Bãi đỗ xe	BDX	4.333,4	7,1	-	-	-	2.217
10.2.1		BDX01	4.967,8	-	5%	1	0,05	248
10.2.2		BDX02	4.662,5	-	5%	1	0,05	233
10.2.3		BDX03	9.743,6	-	5%	1	0,05	487
10.2.4		BDX04	4.262,5	-	5%	1	0,05	213
10.2.5		BDX05	4.262,5	-	5%	1	0,05	213
10.2.6		BDX06	3.236,1	-	5%	1	0,05	162
10.2.7		BDX07	13.198,4	-	5%	1	0,05	660
11	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	23.197,0	3,7	-	-	-	1.983
11.1	Hạ tầng kỹ thuật khác		5.382,1	0,9				1.983
11.1.1		HTKT01	3.105,8	-	40%	1	0,4	1.242
11.1.2		HTKT02	212,5	-	-	-	-	-
11.1.3		HTKT03	212,5	-	-	-	-	-
11.1.4		HTKT04	1.851,3	-	40%	1	0,4	741

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỷ lệ	Mật độ xây dựng tối đa	Tầng cao tối đa	Hệ số SDD	Diện tích xây dựng
			m ²	%	%	tầng	lần	m ²
11.2	Hạ tầng hoàn trả kênh mương		17.814,9	2,8				
11.2.1		MHT01	3.853,1	-	-	-	-	-
11.2.2		MHT02	2.510,8	-	-	-	-	-
11.2.3		MHT03	1.102,2	-	-	-	-	-
11.2.4		MHT04	6.014,9	-	-	-	-	-
11.2.5		MHT05	4.142,6	-	-	-	-	-
11.2.6		MHT06	59,6	-	-	-	-	-
11.2.7		MHT07	131,7	-	-	-	-	-
B	Đất giao thông đối ngoại (Giao thông theo QHPK B2)		55.763,7		-	-	-	-
	TỔNG (A+B)		682.173,7					127.039

(Nguồn: Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 30/09/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cơ sở 2 – Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại Hưng Yên)

Các công trình xây dựng trong các khu vực Dự án

Hạng mục chính:

Dự án được xây dựng với khu nhà điều hành quản lý chung, Khu giảng đường, lớp học của các đơn vị chuyên môn, khu phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu, Khu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, Khu thể dục thể thao, khu ký túc xá, khu giáo dục quốc phòng an ninh, khu nhà dịch vụ.

a. Khu điều hành quản lý chung

- Ký hiệu HC01 có diện tích 20.292,2 m², chiếm 3,2% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

- + Khối điều hành chung của ĐHBK Hà Nội ;
- + Khối điều hành, hiệu bộ các trường, viện;
- + Khối hội trường 1.000 chỗ;
- + Các công trình phụ trợ;
- + Hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo.
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- Tỷ lệ cây xanh tối thiểu: 30%;

- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20% - 25%;
- Tầng cao tối đa: 15 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 1,8 lần.

b. Khu giảng đường, lớp học của các đơn vị chuyên môn, khu phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu

- Ký hiệu DT01 đến DT06 có diện tích 118.087,4 m² (trong đó ô đất DT04 xây dựng công trình thư viện) chiếm 18,9% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

- + Các khối nhà giảng đường, lớp học;
- + Các khối phòng đọc, tự học, nghiên cứu;
- + Không gian giao lưu cộng đồng, trao đổi, chia sẻ đã lĩnh vực (không gian mở);
- + Khối các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và phục vụ nghiên cứu;
- + Công trình thư viện;
- + Các công trình phụ trợ;
- + Hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo.

- Mật độ xây dựng tối đa: 25%-40% (trong đó, mật độ xây dựng tối đa 40% đối với ô đất xây dựng thư viện);

- Tỷ lệ cây xanh tối thiểu: 40%;
- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20% - 25%;
- Hệ số sử dụng đất: 1,0 lần.
- Tầng cao tối đa: 9 tầng.

c. Khu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Ký hiệu NC01 có diện tích 51.911,2 m², chiếm 8,3% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

- + Các trung tâm chuyên ngành thuộc ĐHBK Hà Nội;
- + Các viện nghiên cứu chuyên ngành thuộc ĐHBK Hà Nội;
- + Các khoa, viện khác thuộc ĐHBK Hà Nội;
- + Khối triển lãm và hội thảo;
- + Không gian đổi mới sáng tạo;
- + Khu sản xuất thử;
- + Các công trình phụ trợ;
- + Hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo.
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- Tỷ lệ cây xanh tối thiểu: 30%;
- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20% - 25%;
- Hệ số sử dụng đất: 4,6 lần;
- Tầng cao tối đa: 15 tầng.

d. Khu thể dục thể thao:

- Ký hiệu TDTT01 có diện tích 54.938,1 m², chiếm 8,8% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

+ Nhà thể thao đa năng kích thước tối thiểu 42m x 24m x 12,5m ~ khoảng 1.300 m² (đã bao gồm diện tích phụ trợ);

+ Bể bơi trong nhà diện tích xây dựng khoảng 1.875 m² (đã bao gồm diện tích phụ trợ).

+ 01 sân thể thao cơ bản với sân bóng đá có đường chạy dài 400m, diện tích 8.000 m²;

+ 06 sân bóng chuyên, tổng diện tích khoảng 2.160 m²;

+ 02 sân bóng rổ, tổng diện tích khoảng 1.216 m²;

+ 02 sân quần vợt, tổng diện tích khoảng 1.330 m²;

+ Hệ thống cây xanh, đường dạo, cảnh quan,...

- Mật độ xây dựng tối đa: 20%;

- Tầng cao: 1 - 4 tầng; Đối với các khối nhà thể thao đa năng và bể bơi trong nhà có chức năng đặc thù do vậy chiều cao các tầng và chiều cao tối đa sẽ được xác định cụ thể ở bước tiếp theo;

- Tỷ lệ cây xanh tối thiểu: 30%;

- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20% - 25%;

- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,8 lần;

e. Trung tâm giáo dục Quốc phòng- An ninh:

- Ký hiệu GDQP01 có diện tích 25.660,2 m², chiếm 4,1% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

+ Khối nhà trung tâm giáo dục Quốc phòng – An ninh:

+ Các khu sân bãi phục vụ công tác giáo dục;

+ Hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo.

- Mật độ xây dựng tối đa: 40%;

- Tỷ lệ cây xanh sân bãi tối thiểu: 40%;

- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20%;

- Tầng cao tối đa: 3 tầng;

- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,4 lần.

g. Khu dịch vụ tổng hợp:

- Ký hiệu DV01 đến DV03 có diện tích 17.415,1 m², chiếm 2,8% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

+ Nhà phục vụ các dịch vụ như: ăn uống, giải khát, in ấn, văn phòng phẩm, chuyển phát, ...

+ Các công trình phụ trợ;

- + Hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo.
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- Tỷ lệ cây xanh tối thiểu: 30%;
- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20% - 25%;
- Tầng cao tối đa: 3 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 1,2 lần.

h. Khu ký túc xá sinh viên:

- Ký hiệu KTX01 có diện tích 49.219 m², chiếm 7,2% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Bao gồm các hạng mục chính sau:

- + Các khối nhà ký túc xá cho sinh viên, học viên ...;
- + Các công trình phụ trợ KTX;
- + Các khối nhà dịch vụ nội khu (nhà ăn, bếp, y tế, sinh hoạt chung,...);
- + Hệ thống cây xanh, vườn hoa, đường dạo.
- Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- Tỷ lệ cây xanh tối thiểu: 30%;
- Tỷ lệ giao thông và hạ tầng khác: 20% - 25%;
- Tầng cao tối đa: 15 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 2,5 lần.

i. Đất đào tạo nghiên cứu giao đoạn 2

- Đất đào tạo nghiên cứu giai đoạn 2 ký hiệu DTPT01 có diện tích 41.594,1 m², chiếm 6,6% tổng diện tích lập dự án xây dựng. Là quỹ đất phát triển của khu đại học trong giai đoạn sau.

- Mật độ xây dựng tối đa: 40%;
- Tầng cao tối đa: 15 tầng;
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 6,0 lần.

Các công trình phụ trợ: các hạng mục công trình phụ trợ, đường giao thông, cây xanh cảnh quan...

a, Đường giao thông, tổ chức giao thông

Gồm đất giao thông nội bộ và bãi đỗ xe:

- *Giao thông nội bộ:* có diện tích khoảng 52.424,1 m², chiếm 8,3% tổng diện tích lập dự án xây dựng;

- *Bãi đỗ xe:* Ký hiệu BDX01 đến BDX07, có diện tích khoảng 44.333,4 m², chiếm 7,1% tổng diện tích lập dự án xây dựng.

Thiết kế làm mới toàn bộ tuyến đường trong ranh giới quy hoạch và vượt nối với đường tỉnh ĐT.379 tại ranh giới phía Tây của dự án;

**) Giao thông đối ngoại*

- Tuyến đường tỉnh ĐT.379 hiện hữu chạy dọc, tiếp giáp ranh giới phía Tây kết nối

với dự án. Xung quanh dự án các phía Đông, Bắc và Nam, tiếp giáp kết nối với các tuyến đường giao thông liên khu vực và khu vực theo quy hoạch phân khu B2, cùng với đó là các tuyến D1, D2, N1, N2 là các tuyến giao thông đối ngoại của dự án theo quy hoạch phân khu B2.

- Tuyến D1 và N2 tuyến giao thông khu vực, mặt cắt 3-3, có lộ giới rộng 32m trong đó: Phần lòng đường rộng 2x10,5m, dải phân cách giữa 3,0m và vỉa hè hai bên rộng 2x4,0m;

- Tuyến D1 và N2 tuyến giao thông khu vực, mặt cắt 3A-3A, quy mô một nửa mặt cắt so với mặt cắt 3-3, có lộ giới rộng 16m trong đó: Phần lòng đường rộng 10,5m, dải phân cách giữa 1,5m và vỉa hè một bên rộng 4,0m.

Bố trí các cầu vượt đi bộ qua đường tại các vị trí kết nối, phục vụ cho nhu cầu người đi bộ giữa các khu chức năng. Trên tuyến D1 bố trí 01 cầu vượt đi bộ, trên tuyến N2 bố trí 02 cầu vượt đi bộ.

- Tuyến N1 và D1 tuyến giao thông phân khu vực, mặt cắt 4-4 có lộ giới rộng 15m trong đó: Phần lòng đường rộng 7,0m và vỉa hè hai bên rộng 2x4,0m.

**) Giao thông đối nội*

Các tuyến giao thông đối nội là các tuyến đường nội bộ nằm trong các ô đất thuộc phạm vi lập đồ án quy hoạch của dự án với các mặt cắt như sau:

- Mặt cắt 5-5 có lộ giới rộng 13m trong đó: Phần lòng đường rộng 2x3,5m, vỉa hè hai bên rộng 2x3,0m;

- Mặt cắt 6-6 có lộ giới rộng 15m trong đó: Phần lòng đường rộng 2x4,5m, vỉa hè hai bên rộng 2x3,0m.

**) Bãi đỗ xe*

- + Diện tích bãi đỗ xe (trên tổng mặt bằng) khoảng 44.333,3m², áp dụng chỉ tiêu 25m²/chỗ (đối với bãi đỗ xe trên mặt đất), đảm bảo khoảng 1.773 chỗ đỗ xe ô tô con quy đổi.

- + Đối với diện tích đỗ xe dưới tầng hầm bố trí tại hai vị trí hầm của khu nhà điều hành tại ô H1 và H2. Diện tích 02 khu vực tầng ngầm khoảng: 79.536,9 + 18.461,3 = 98.178,2 m².

b, Cấp nước

Nguồn cấp nước: Lấy từ nguồn cấp nước hiện có tại nhà máy nước Dạ Trạch có công suất 20.000 m³/ngày đêm dự kiến đến năm 2030 nâng công suất đến 30.000m³/ m³/ngày đêm, điểm đầu nối phía Tây Nam của dự án.

Nhu cầu sử dụng nước của dự án như sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Quy mô		Chỉ tiêu cấp nước		Nhu cầu	Nước thải
			Giá trị	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị	(m3/ngđ)	
1	Đất khu điều hành quản lý chung	HC	1.200	người	20	L/ng.ng đ	24	24
2	Đất khu giảng đường, lớp học, phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo nghiên cứu	DT	27.000	người	20	L/ng.ng đ	540	540
3	Đất khu nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, không gian đổi mới sáng tạo	NC	240,000	m ²	2	L/m ² sàn	477	477
4	Nước phòng thí nghiệm	TN	880	Người	25	l/người, ngày	22	22
5	Đất thể dục thể thao	TDTT	15.000	m ²	2	L/m ² sàn	30	30
6	Đất trung tâm giáo dục Quốc phòng	GDQP	10.000	m ²	2	L/m ² sàn	20	20
7	Đất khu dịch vụ tổng hợp	DV	20,898	người	20	L/ng.ng đ	417,96	417,96
8	Đất khu ký túc xá, nhà công vụ	KTX	13,500	người	100	L/ng.ng đ	1.350	1.350
9	Đất cây xanh tập trung	CX	3,838	m ²	3	L/m ²	11,51	
10	Đất đào tạo nghiên cứu dự trữ phát triển	DTP	249,565	m ²	2	L/m ² sàn	499,13	2,5
11	Đất giao thông		96,758	m ²	0.5	L/m ²	10,89	
12	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	1,983	m ²	2	L/m ²	0,02	0,04
A	Dự phòng, rò rỉ				15%	-	507,53	
B	Tổng lưu lượng sinh hoạt ngày đêm trung bình						3.391,91	2864,5
C	Tổng lưu lượng ngày đêm lớn nhất			K	1.2		4070,45	3437,37

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Quy mô		Chỉ tiêu cấp nước		Nhu cầu	Nước thải
			Giá trị	Đơn vị	Giá trị	Đơn vị	(m3/ngđ)	
	Nước chữa cháy trong 3h (2 đám cháy 35 l/s)		2	đám cháy	35	l/s	756	

Ổng được sử dụng là ống nhựa HDPE có đường kính dao động trong khoảng D110mm đến D300mm, đối với những đoạn ống qua đường dùng ống thép lồng ống qua đường.

Bảng 3. Bảng thống kê khối lượng cấp nước

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Số lượng
1	Đường ống D110	D110	m	5340
2	Đường ống D225	D225	m	2045
3	Đường ống D300	D300	m	504
4	Trụ cứu hỏa	-	cái	48
5	Đồng hồ tổng cấp nước DN250	-	cái	1

c, Thoát nước mưa

Phương án thoát nước mưa

+ Dự án xây dựng mới nên lựa chọn phương án xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

+ Hướng thoát nước mưa tuân thủ theo hướng dốc nền xây dựng của bản vẽ Quy hoạch San nền.

- Tuân thủ các định hướng thoát nước mưa theo đồ án Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 phân khu B2 (đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên) đã được phê duyệt tại Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 18/4/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên;

Đối với các tuyến đường chính trong khu quy hoạch bố trí cống thoát nước tròn ly tâm đường kính từ D300 đến D1500. Bố trí các hố ga thăm trên tuyến với khoảng cách trung bình 40m một hố.

Bảng 4. Bảng thống kê sơ bộ khối lượng thoát nước mưa

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống tròn D300	m	972
2	Cống tròn D600	m	260
3	Cống tròn D800	m	646
4	Cống tròn D1000	m	2180
5	Cống tròn D1200	m	1487

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng
6	Cống tròn D1500	m	412
7	Cống hộp BxH:2x2	m	321
8	Cống hộp BxH:2x(2x2)	m	751
9	Cống hộp BxH:3x(2.5x2.5)	m	882
10	Cống hộp BxH:3x3	m	185
11	Hố ga thu thăm kết hợp	cái	239
12	Hố ga thu trực tiếp	cái	161
13	Cống BxH:2x(2x2)	m	289
14	Cống BxH:(2x2)	m	349
15	Cống BxH:3x3	m	825
16	Cống đầu kênh BxH:1.5x1.5	m	58
17	Cống đầu kênh BxH:2.0x2.0	m	11
18	Hố ga thu thăm kết hợp	cái	39

d, Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Hệ thống thoát nước thải cho khu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng, nước thải phải được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường và được cơ quan quản lý môi trường cho phép mới được xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Thiết kế đường cống theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo thoát nước triệt để cho từng ô đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật.

- Nước thải từ các giảng đường, ký túc xá, nhà điều hành trong trường được thu gom từ các công trình theo các tuyến cống chính, tập trung về trạm xử lý nước thải chung của trường.

- Nước thải từ khu nghiên cứu khoa học được xử lý sơ bộ trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải chung của trường.

- Thiết kế các đường cống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc thu gom từ các công trình thoát ra. Các tuyến cống dùng ống HDPE gân sóng 2 lớp với đường kính D200-D400mm.

- Dự án đề xuất xây dựng trạm xử lý nước thải công suất khoảng 3.500 m³/ngày đêm dự kiến bố trí tại khu đất hạ tầng kỹ thuật có ký hiệu HTKT 01 phía Đông dự án. Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường, được cơ quan quản lý môi trường cho phép sẽ thoát vào mạng lưới thoát nước mưa.

- Phương án xử lý rác thải: Tại các dải cây xanh, ven đường đặc biệt là các nút giao bố trí thùng rác công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt do các hoạt động vui chơi, sinh hoạt, đi lại, ăn uống... của giảng viên, sinh viên phát sinh trong ngày đặt các thùng rác nhỏ, khoảng cách giữa các thùng trung bình là 50m/thùng. Toàn bộ khối lượng rác thải này sẽ được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn tập trung của Thành phố ngay trong lần

thu gom kế tiếp của đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

Rác thải sinh hoạt phát sinh của các phân khu được thu gom theo giờ cố định trong ngày bằng xe đẩy tay (hoặc phương tiện cơ giới). Rác thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến các khu tập kết chất thải rắn được bố trí ở các bãi đỗ xe và khu đất hạ tầng kỹ thuật.

Bảng 5. Bảng thống kê sơ bộ khối lượng thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Stt	Vật tư	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống thoát nước thải D200	M	564
2	Đường ống thoát nước thải D300	M	3379
3	Đường ống thoát nước thải D400	M	1047
4	Hố ga thăm thoát nước thải	Ga	159
5	Trạm xử lý nước thải cục bộ công suất 3.500 m ³ /ngày đêm	Trạm	1

e, Cấp điện

* Nguồn cấp điện

- Nguồn cấp điện cho dự án theo quy hoạch phân khu B2, dự kiến lấy từ lộ 472 trạm biến áp (TBA) 110kV Văn Giang đến, với tổng nhu cầu công suất tối đa khoảng 45 MVA.

- Chiếu sáng đường giao thông dùng đèn Led cao áp, có phân bố ánh sáng bán rộng (Imax nằm trong khoảng từ 0°-65°), sử dụng bóng led 100-150W để chiếu sáng đường đi.

- Nguồn điện cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ tủ điện cấp từ trạm biến áp hoặc sử dụng nguồn điện năng lượng mặt trời.

- Toàn bộ tuyến chiếu sáng dùng cáp ngầm nhằm đảm bảo cảnh quan cho khu vực.

- Đèn đường được bố trí trên trục đường bố trí một bên hoặc 2 bên phụ thuộc vào độ chói yêu cầu và kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường. Cột chiếu sáng là cột thép, mạ kẽm nhúng nóng. Chiều cao cột 8m hoặc 12m tùy thuộc vị trí cột.

Bảng 6. Bảng thống kê khối lượng phần cấp điện

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Trạm cắt	Tủ	02
2	Trạm biến áp 22/0,4kV	Trạm	15
3	Cáp ngầm trung thế 22kV	mét	6215
4	Cáp hạ thế 0,4kV-CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC	mét	7800
5	Tủ điều khiển chiếu sáng	Tủ	2
6	Cột đèn chiếu sáng 8m	Cột	156
7	Cột đèn chiếu sáng 12m	Cột	69
8	Cáp chiếu sáng 0,4V-CU/XLPE/PVC	mét	7800

e, Hệ thống cây xanh

Tổ chức cây xanh trong khu vực có 2 dạng:

- Cây xanh đường phố: là tuyến giao thông huyết mạch và là trục cảnh quan của toàn khu vực. Sử dụng các loại cây đặc thù của địa phương, các loại cây cao ít rụng lá cao 30-40m cách đều nhau, được bố trí cách đều nhau 6-10m, đồng thời bố trí cây xanh trang trí trên dải phân cách của tuyến đường.

- Cây xanh công trình: Các điểm trọng tâm sử dụng cây cọ, cau, tùng kết hợp các loại cây bụi và mảng cỏ, các loại cây dây leo, cây cho hoa, tạo nên tính đa dạng và hấp dẫn.

Các quy định về các khu vực cây xanh cần tham khảo thêm các bản vẽ kiểm soát không gian, kiến trúc cảnh quan của đồ án.

- Hồ trồng cây, cây xanh vỉa hè: Khoảng cách trung bình khoảng 10m/hố. Hồ trồng cây kích thước 1,20 x 1,20m; bó gốc cây gạch vữa xi măng mác 75, kích thước 220x330mm. Khoảng cách giữa các cây $5 \div 10m$.

- Cây bóng mát được lựa chọn các loại cây phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương, chống chịu được sâu bệnh và có khả năng sinh trưởng tốt như: Cây bàng Đài Loan, Osaka vàng, bàng lăng tím, chà là,...

g, Hệ thống thông tin liên lạc

Giải pháp thiết kế:

Với nhu cầu thông tin liên lạc đến năm 2035 khoảng 30.000 thuê bao, tập trung dự kiến xây dựng tuyến cáp quang từ trạm chuyển mạch trạm vệ tinh của khu vực về cung cấp dịch vụ cho khu vực quy hoạch.

Hạ tầng cáp ngoại vi hệ thống viễn thông của Dự án được quy hoạch xây dựng theo hệ thống ngầm, đảm bảo an toàn, mỹ quan. Hệ thống viễn thông cáp cho khu Dự án được kết nối với hệ thống viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Nhu cầu sử dụng thông tin liên lạc của khu dự án gồm có nhu cầu về điện thoại và nhu cầu truy nhập Internet, truyền hình cáp. Để đảm bảo độ phủ sóng rộng khắp toàn bộ dự án và chất lượng tín hiệu ổn định khi dự án đi vào hoạt động, quy hoạch lắp đặt tối đa khoảng 120 trạm BTS (với bán kính từ 100m~300m/trạm BTS) để đảm bảo nhu cầu sử dụng hệ thống viễn thông cho khoảng 30.000 thuê bao di động đến năm 2035. Tùy vào các vị trí cụ thể, các trạm BTS sẽ được bố trí tại khu vực nóc công trình, cây xanh, dải phân cách hoặc trên vỉa hè đường tùy từng vị trí cụ thể đảm bảo tính mỹ quan của Dự án.

1.5. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.

**) Tiến độ thực hiện dự án*

Tiến độ thực hiện dự án: theo quyết định số 1971/QĐ-BGDĐT ngày 08/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì tiến độ hoàn thành dự án trong giai đoạn từ năm 2026-2028, cụ thể như sau:

+ Năm 2026: Thực hiện chuẩn bị dự án.

+ Năm 2026-2028: thực hiện dự án, hoàn thành dự án, bàn giao đưa vào sử dụng.

***) Vốn đầu tư**

Tổng vốn đầu tư dự án: 605.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm linh năm tỷ đồng chẵn), trong đó:

+ Ngân sách trung ương dự kiến trong kế hoạch đầu tư công trung hạ giai đoạn 2026-2030 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 450.000.000.000 đồng.

+ Nguồn thu hợp pháp của Đại học Bách khoa Hà Nội dành để đầu tư: 155.000.000.000 đồng.

***) Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

* Chủ đầu tư: Đại học Bách Khoa Hà Nội

ĐHBK Hà Nội thực hiện sự quản lý đối với Phân hiệu như một đơn vị thuộc Đại học. Quy chế tổ chức và hoạt động của Phân hiệu do Giám đốc đại học ban hành và Phân hiệu tổ chức thực hiện.

Mô hình tổ chức Phân hiệu có sự gắn kết chặt chẽ với tổ chức bộ máy của Đại học Bách khoa Hà Nội nhằm tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo tính thống nhất “một Bách khoa” trong quản trị, điều hành hoạt động của Đại học.

* Cơ cấu tổ chức và quản lý

- Ban Giám đốc:

+ Giám đốc Phân hiệu: Do 01 Phó Giám đốc đại học kiêm nhiệm.

+ Các Phó giám đốc Phân hiệu: Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Phân hiệu có từ 01 đến 03 Phó giám đốc.

- Các cán bộ hành chính, phục vụ: Phân hiệu có các cán bộ hành chính, phục vụ để giúp Ban Giám đốc quản lý, vận hành, hỗ trợ cho toàn bộ hoạt động của Phân hiệu bao gồm các mảng công tác: tổ chức - nhân sự, hành chính - tổng hợp, tài chính, đào tạo, nghiên cứu, hợp tác đối ngoại, công tác sinh viên, cơ sở vật chất, đảm bảo chất lượng,...

- Các đơn vị chuyên môn: Là cơ sở của các đơn vị chuyên môn (Trường, Khoa, Viện) của Đại học được đặt tại Phân hiệu, được quản lý hành chính và hỗ trợ từ Phân hiệu.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

* Vị trí, ranh giới dự án: Dự án được thực hiện tại khu đất có diện tích 626.410 m² trên địa bàn xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Theo nhiệm vụ lập Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cơ sở 2 – Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên đã được phê duyệt và Quy hoạch phân khu đô thị B2, ranh giới nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Cơ sở 2 - Phân hiệu ĐHBK Hà Nội tại Hưng Yên khoảng 68,21 ha. Trong đó:

+ Diện tích đất *Xây dựng công trình, hệ thống kỹ thuật nội khu tại khu đất 62,64ha của Cơ sở 2 – Phân hiệu Đại học Bách Khoa Hà Nội tại Hưng Yên* (theo Quy hoạch phân khu B2, đô thị Văn Giang) khoảng 626.410 m² (62,64ha) thuộc địa bàn xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

+ Diện tích giao thông đối ngoại khoảng 55.763,7 m² (5,57ha).

Vị trí khu đất thực hiện dự án có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp khu dân cư hiện có và đường quy hoạch;
- Phía Nam giáp đường quy hoạch;
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện có và đường quy hoạch;
- Phía Tây giáp đường tỉnh ĐT.379.

*** Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh:**

- Giao thông:

Giao thông đối nội: Hệ thống đường giao thông đối nội trong khu vực chủ yếu là tuyến đường nhựa liên xã kết nối với đường tỉnh lộ ĐT.379, còn lại chủ yếu là những tuyến đường đất, phục vụ canh tác hoa màu.

- Thủy văn

Khu vực quy hoạch chịu ảnh hưởng của hệ thống sông nội đồng Bắc Hưng Hải và kênh Tam Bá Hiền. Từ hệ thống sông Bắc Hưng Hải chảy vào 5 con sông nội đồng với tổng chiều dài 72km, diện tích 5.200 ha điều tiết 1,03 tỷ m³ nước mỗi năm phục vụ tưới tiêu, đảm bảo mạng lưới thủy lợi của Tỉnh được hoàn chỉnh.

Hệ thống sông, kênh nội đồng và thủy lợi có sự điều tiết của hệ thống trạm bơm nên hoạt động khá hoàn chỉnh góp phần quan trọng vào việc ổn định sản xuất nông nghiệp cũng như tiêu thoát nước của khu vực.

- Kinh tế - xã hội:

Dự án Dự án thành phần 02 “Xây dựng công trình, hệ thống kỹ thuật nội khu tại khu đất 62,64 ha của Cơ sở 2 - Phân hiệu Đại học Bách Khoa Hà Nội tại Hưng Yên” thuộc dự án “Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất 68,21 ha của Cơ sở 2 – Phân hiệu Đại học Bách khoa Hà Nội tại Hưng Yên” nằm trong khu vực thực hiện dự án có vị trí giao thông thuận lợi, có đường ĐT379 đi qua nên thuận lợi cho việc kết nối với trung tâm xã Nghĩa Trụ và xã Văn Giang và các vùng phát triển lân cận.

- Di tích văn hoá - lịch sử:

Trong khu vực dự án không có công trình kiến trúc, công trình Quốc gia và di tích lịch sử văn hoá.

- Khu dân cư

Gần khu vực dự án theo hướng Tây Nam là khu dân cư thôn Phượng Trì, xã Văn Giang và theo hướng Đông Bắc là khu dân cư thôn Long Hưng, xã Nghĩa Trụ, cách qua đường ĐT.379 là dự án Trung tâm đào tạo bóng đá trẻ PVF của Bộ công an.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

***) Giai đoạn xây dựng**

Bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp mặt bằng: Chủ

yếu là bụi từ quá trình phát quang thảm thực vật và bụi từ quá trình đào đất và đắp đất san nền.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải, vận chuyển nguyên vật liệu: chủ yếu gồm CO, NO_x, HC do đốt cháy nhiên liệu, nguồn gây ô nhiễm này ảnh hưởng đến sức khỏe con người, môi trường.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công: Ngoài khí các chất gây ô nhiễm giống như các phương tiện giao thông vận tải với lượng không lớn và không liên tục;

- Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn: Công đoạn hàn sử dụng que hàn kim loại khi bị cháy phát sinh ra khói hàn, các chất ô nhiễm CO, NO_x.

- Bụi từ quá trình tập kết, bốc dỡ tại bãi vật tư: Lượng bụi này phát tán vào môi trường sẽ ảnh hưởng đến chất lượng các thành phần môi trường xung quanh, đồng thời sẽ gây tác động trực tiếp đến công nhân, gây các bệnh về hô hấp, bệnh về mắt,...

- Bụi phát sinh từ quá trình thi công xây dựng: Bụi đất cát phát sinh do vận chuyển vật liệu, thi công xây dựng, trộn bê tông... Bụi bị cuốn lên từ đường giao thông do phương tiện, gió thổi qua bãi chứa vật liệu xây dựng như xi măng, đất cát...

- Khí thải từ quá trình rải bê tông nhựa Asphalt: Chủ yếu là hơi benzene (alpha) pyren và một lượng nhỏ hydrocacbon no có trong thành phần Bitum của bê tông nhựa Asphalt;

- Khí thải phát sinh từ quá trình sơn vạch kẻ đường: Sơn vạch kẻ đường với thành phần nhựa nhiệt dẻo như hydrocacbon C₅- C₉, maleic, petroresin trong quá trình sử dụng phát sinh hơi sơn với thành phần là VOC_s như: hơi axit maleic,...

Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường với lượng thải 9 m³/ngày.

- Nước mưa chảy tràn: cuốn theo các loại rác và chất thải rắn xuống vùng trũng của khu vực làm tắc nghẽn dòng chảy, với lưu lượng nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng là 0,176m³/s, thông số ô nhiễm đặc trưng TSS;

- Nước thải thi công: phát sinh từ các hoạt động thi công xây dựng như rửa các thiết bị, rửa xe, dụng cụ xây dựng, phun nền với lượng thải 3 m³/ngày; nước phun dập bụi, rửa đường khoảng 1,6 m³/ngày (được tái sử dụng từ nước thải thi công sau khi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường).

Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh trong quá trình ăn ở của công nhân như: rau củ quả, cơm thừa, canh thừa, nilon, giấy...

- Chất thải xây dựng: Tổng lượng chất thải rắn xây dựng là 169,4 tấn bao gồm chất thải từ quá trình thi công xây dựng.

- Sinh khối thực vật: 102,405 tấn.

- Chất thải nguy hại: bao gồm gang tay dính dầu mỡ, hóa chất khoảng 100 kg/quá

trình xây dựng, dầu mỡ thải 500 lít, bao bì đựng dầu mỡ 175 kg; ắc quy thải 250 kg trong toàn bộ quá trình xây dựng; vật liệu thấm dầu 100 kg và thùng đựng sơn thải 350 kg, dầu mẫu que hàn: 300 kg.

Tiếng ồn, độ rung

- Tác động của tiếng ồn và rung động do sự hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thi công trên công trường và trên các tuyến giao thông là không thể tránh khỏi. Ở vị trí cách nguồn ồn 15 m khi nguồn phát sinh là riêng lẻ hay đồng loạt thì mức ồn vẫn nằm trong TCCP đối với môi trường lao động.

- Rung động trong quá trình thi công chủ yếu là sự hoạt động của các loại máy móc thi công như máy trộn bê tông, máy san ủi, vận chuyển nguyên vật liệu. Mức rung của các máy móc và thiết bị thi công nằm trong khoảng từ 74 – 80 dBA đối với các vị trí cách xa 10 m so với nguồn rung động.

Tác động đến việc tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp, tiêu thoát nước

Do dự án lấy một phần đất thủy lợi thuộc kênh tiêu KT3 và KT5 và một số kênh tiêu nhánh khác có thể phát sinh đất đá rơi vãi xuống tuyến kênh KT3 và KT5 trong quá trình thi công. Mặt khác, toàn bộ nước thải thi công được thu gom, xử lý sơ bộ và tái sử dụng cho hoạt động tưới ẩm, đập bụi công trình nên dự án không xả nước thải thi công ra ngoài môi trường. Với các đoạn kênh mương cắt ngang qua khu đất và đoạn mương tiếp giáp đường ĐH26 sẽ bị thu hồi để triển khai dự án do vậy ảnh hưởng tới kết cấu công trình thủy lợi cũng như tiêu thoát nước khu vực. Do vậy dự án sẽ có biện pháp hoàn trả các đoạn mương này.

*** Giai đoạn vận hành**

Bụi, khí thải

- Sinh hoạt của sinh viên trong khu ký túc xá;
- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh và thực hiện nạo vét hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi dự án;
- Thu gom, phân loại tại nguồn các loại chất thải (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại) phát sinh từ hoạt động của dự án, chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Xả nước thải sau xử lý ra môi trường;

Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án khoảng là: $Q_1 = 2.862 \text{ m}^3/\text{ngày}$;

- Nước thải phòng thí nghiệm: $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt

+ Chất thải rắn sinh hoạt của dự án $12.150 \text{ kg}/\text{ngày}$;

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt là $3,5 \text{ m}^3/\text{năm}$, bùn thải từ các bể tự

hoại của các khu nhà: 2,82 m³/năm.

- Chất thải nguy hại: phát sinh với tổng khối lượng 1.170 kg/năm (bao gồm Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử chứa thành phần nguy hại, Hộp chứa mực in thải, Vật liệu lọc, giẻ lau dính chất thải nguy hại từ phòng thí nghiệm, Bao bì cứng thải bằng nhựa dính thành phần nguy hại).

Tiếng ồn, rung động

Tại khu ký túc xá, tiếng ồn phát sinh từ các máy điều hòa, Tivi, ... với mức độ ồn (60-80 dB). Nếu không có các biện pháp giảm thiểu, tiếng ồn sẽ gây tác động trực tiếp đến các cư dân tại dự án. Tiếng ồn với cường độ cao kích thích mạnh mẽ hệ thần kinh trung ương, gây rối loạn chức năng thần kinh, nhức đầu, chóng mặt và sợ hãi, gây trạng thái khó chịu, tinh thần bất an, dễ gây bức bối và nóng giận dẫn đến những hành động khó kiểm chế.

- Các phương tiện chủ yếu là xe máy, ô tô nên tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các nguồn này là không đáng kể.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

a- Giai đoạn xây dựng

***) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải**

- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi;
- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm, đặt biển báo, phân vùng cách ly an toàn khu vực thi công;
- Lập hàng rào tôn cao tối thiểu 2m xung quanh khu vực công trường thi công gần phía đường giao thông, khu dân cư;
- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, thường xuyên thu gom chất thải rơi vãi trên công trường;
- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;
- Sử dụng các phương tiện máy móc tự động rải nhựa đường, không thi công vào thời điểm nắng nóng, chú ý đến hướng gió có ảnh hưởng đến khu vực dân cư;
- Công nhân làm việc phải có đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động.

***) Biện pháp xử lý nước thải**

Biện pháp xử lý nước thải xây dựng

Chủ dự án xây dựng 03 hố ga lắng cặn nước thải thi công xây dựng tại 03 khu vực với thể tích hố ga là 5 m³ (2,5x2x1m) (bên trong hố ga có vật liệu thấm dầu) được xây dựng gần cổng ra vào dự án. Nước thải thi công sau lắng được tận dụng để tưới ẩm trong quá trình san lấp để hạn chế bụi nên không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường.

Váng dầu, vật liệu thấm dầu được thu gom, lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại theo quy định. Đất, cát, cặn tại hố lắng được thu gom và vận chuyển theo quy định.

Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

Chủ đầu tư thuê 03 nhà vệ sinh di động 02 ngăn đặt tại công trường, nhà vệ sinh di

động, module nguyên khối, vật liệu composite, có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ, bồn chứa cặn 3.000 lít và bồn nước 2.000 lít.

Biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn

Thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng, không tập trung vật liệu xây dựng gần mương thoát nước. Thường xuyên khơi thông rãnh thoát nước mưa trong khu vực dự án với tần suất 01 lần/ngày, tạo các rãnh thoát nước tạm và các hố lắng. Hệ thống hố lắng bố trí dọc theo hướng thoát nước với khoảng cách 100m/hố, kích thước 1mx1mx1m/hố lắng để thu gom, lắng đọng bùn, đất trước khi thoát ra ngoài môi trường.

***) Biện pháp giảm thiểu chất thải thông thường, nguy hại**

- Chất thải rắn xây dựng được tiến hành thu gom và phân loại tại nguồn, sau đó tập trung về khu vực tập kết theo từng loại và xử lý như sau:

+ Các loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như sắt thép vụn, bao bì giấy, dây nhựa được để riêng để bán cho các cơ sở tái chế;

+ Đất, đá thải, gạch vỡ dư thừa được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng khu vực dự án;

+ Các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ trong các thùng chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định;

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng phục vụ dự án được lưu chứa trong 06 thùng chứa dung tích 200 lít, có nắp đậy tại các vị trí khu vực gần nhà vệ sinh di động, khu vực lán trại công trình, cổng ra vào công trường để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

- Với chất thải nguy hại: bố trí 06 thùng chứa dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ. Mỗi thùng chứa chất thải nguy hại sẽ dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Các thùng chứa chất thải nguy hại sẽ được lưu chứa tại gần khu vực lán trại công trường.

Sau đó đơn vị thi công dự án có trách nhiệm thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh của dự án.

***) Giảm thiểu tác động đến tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp**

Với đoạn mương nội đồng nằm trong khu đất và đoạn mương tiếp giáp ĐT.379 dự án thu hồi để triển khai dự án, để giảm thiểu tác động tới hoạt động tưới tiêu thoát nước khu vực và tưới tiêu thủy lợi, chủ dự án sẽ thực hiện hoàn trả bằng tuyến cống hộp ngầm bằng BTCT nằm trong phạm vi dự án, chạy dọc đường ĐT.379. Cụ thể như sau:

1. Hoàn trả tuyến kênh tiêu KT₃ (kênh tiêu Vĩnh Tuy- Ngọc Bộ) thuộc hệ thống tiêu sông Ngưu Giang từ K0₊₂₃₀+K₁₊₁₁₂

++ Kênh KT₃:

- Tuyến công trình: (i) Đoạn 1, đi theo ranh giới phía Nam của dự án từ điểm N11

(K₀₊₂₃₀ có tọa độ X: 2314978.707; Y: 547462.359) đến điểm N12 (K₀₊₆₆₁ có tọa độ X: 2314871.235; Y: 547045.384) dài 431m; (ii) Đoạn 2, đi trong đất dự án từ điểm N12 (K₀₊₆₆₁ có tọa độ X: 2314871.235; Y: 547045.384) đến điểm N21+65 (K₁₊₁₁₂ có tọa độ X: 2314749.281; Y: 546619.259) dài 451m.

- Hình thức: Ngầm hóa bằng cống hộp BTCT;
- Khẩu độ: BxH= 3(2,5x2,5) m;
- Chiều dài đoạn ngầm hóa khoảng: L=882 m;
- Cao độ đáy cống thiết kế tại K₀₊₂₃₀: + 2,52 m (theo cao độ thủy lợi);
- Độ dốc đáy kênh ngầm hóa: i=10 cm/km. Hướng dốc từ K₁₊₁₁₂ về K₀₊₂₃₀ (từ điểm N21+65 về N11);

- Hồ ga: Dọc đoạn kênh ngầm hoá với khoảng cách từ (30÷40) m, bố trí 01 hồ ga, cao độ đáy hồ ga thấp hơn cao độ đáy cống tối thiểu là 0,5m, hồ ga có tấm nắp BTCT để thuận lợi cho việc thim, thu, kiểm tra, ngo vớt sau này. Tọa độ đầu và cuối đoạn kênh được ngầm hoá; tại các cửa tập trung nước bố trí hèm phai, lưới chắn rác bằng INox để ngăn rác vào kênh ngầm hóa.

++ Công trình trên kênh:

TT	Lý trình theo dự án	Công trình thủy lợi		Các chỉ tiêu thiết kế kỹ thuật công trình thủy lợi					Ghi chú
		Tên công trình	Vị trí	Hình thức	Khẩu độ (BxH)m	Cao độ đáy thiết kế	Lắp đặt HT điều tiết	Biện pháp	
	Vị trí số 1 (N11)	Cống trên kênh KT3	K ₀₊₂₃₀	Hộp	BxH≥ 3(2,5*2,5)	+2,52	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
	Vị trí số 2 (N21+65)	Cống trên kênh KT3	K ₁₊₁₁₂	Hộp	BxH≥ 3(2,5*2,5)	+2,61	Làm khe phai	Làm mới	Đầu nối với kênh KT3 để tiêu trước mắt, Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
	Vị trí số 3	Cống đầu kênh	K ₀₊₃₁₇	Hộp	BxH≥ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn

		KT3-2					phai		rác bằng inox
	Vị trí số 4	Cổng đầu kênh KT3-2'	K ₀₊₄₁₈	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
	Vị trí số 5	Cổng đầu kênh KT3-4	K ₀₊₅₂₇	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
	Vị trí số 6	Cổng đầu kênh KT3-4'	K ₀₊₆₃₁	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
	Vị trí số 7	Cổng đầu kênh KT3-1	K ₀₊₂₃₀	Hộp	BxH $\geq$ 2(2,0*2,0)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox

2. Hoàn trả kênh tiêu KT3-1, điểm đầu đầu nối vào kênh KT3 tại vị trí K₀₊₂₃₀ (điểm N11):

++ Hoàn trả kênh KT3-1:

- Tuyên công trình: (i) Đoạn 1, đi theo ranh giới phía Đông của dự án từ điểm N11(K₀₊₀ có tọa độ X:2314978.707; Y:547462.359) đến điểm N8 (K₀₊₂₉₄ có tọa độ X: 2315266.93; Y: 547388.178) dài 294 m; (ii) Đoạn 2, đi theo ranh giới phía Bắc của dự án từ điểm N8(K₀₊₂₉₄ có tọa độ X: 2315266.93; Y: 547388.178) đến điểm M1 (K₀₊₉₅₃, đầu kênh KT3-3 có tọa độ X:2315096.804; Y: 546751.613) dài 659m;

- Hình thức: Ngầm hóa bằng cống hộp BTCT;
- Khẩu độ: BxH= 2(2,0x2,0) m;
- Chiều dài đoạn ngầm hóa khoảng: L=953 m;
- Cao độ đáy cống thiết kế tại K₀₊₀₀: + 3,0 m (theo cao độ thủy lợi);
- Độ dốc đáy kênh ngầm hóa: i=10 cm/km. Hướng dốc từ K₀₊₉₅₃ về K₀₊₀ (từ điểm M1 về N11);

- Hồ ga: Dọc đoạn kênh ngầm hoá với khoảng cách từ (30-40) m, bố trí 01 hồ ga, cao độ đáy hồ ga thấp hơn cao độ đáy cống tối thiểu là 0,5 m, hồ ga có tấm nắp BTCT để thuận lợi cho việc thăm, thu, kiểm tra, nạo vét sau này. Tại điểm đầu và cuối đoạn kênh được ngầm hoá; tại các cửa tập trung nước bố trí hèm phai, lưới chắn rác bằng INox để ngăn rác vào kênh ngầm hóa;

- Xây dựng cống đầu kênh KT3-1 đầu nối vào kênh KT3(tại điểm N11- K₀₊₂₃₀ có

tọa độ X: 2314978.707; Y: 547462.359): trang bị dàn van, cánh cổng, máy đóng mở V5.

++ Hoàn trả các công trình trên kênh:

TT	Lý trình theo dự án	Công trình thủy lợi		Các chỉ tiêu thiết kế kỹ thuật công trình thủy lợi					Ghi chú
		Tên công trình	Vị trí	Hình thức	Khẩu độ (BxH)m	Cao độ đáy thiết kế	Lắp đặt HT điều tiết	Biện pháp	
1	Vị trí số 1	Cổng đầu kênh KT3-1-1	K ₀₊₃₆	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
2	Vị trí số 2	Cổng đầu kênh KT3-1-3	K ₀₊₁₆₄	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
3	Vị trí số 3	Cổng đầu kênh KT3-1-5	K ₀₊₂₁₀	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
4	Vị trí số 4	Cổng đầu kênh KT3-1-7'	K ₀₊₂₈₀	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
5	Vị trí số 5	Cổng đầu kênh KT3-1-9 (cũ là KT3-1)	K ₀₊₆₀₉	Hộp	BxH $\geq$ (1,5*1,5)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
6	Vị trí số 6	Cổng đầu kênh KT3-1-11 (cũ là KT3-1')	K ₀₊₇₈₃	Hộp	BxH $\geq$ (2,0*2,0)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
7	Vị trí số 7	Cổng đầu kênh KT3-1-11	K ₀₊₉₅₃	Hộp	BxH $\geq$ (2,0*2,0)	+3,2	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng

		(cũ là KT3-3)							inox
--	--	------------------	--	--	--	--	--	--	------

- Hoàn trả kênh tiêu KT3-3-4, điểm đầu đầu nối vào kênh kênh KT3-1 tại vị trí K0+953 (điểm M1):

- Tuyến công trình: (i) Đoạn 1, đi theo ranh giới phía Bắc của dự án từ điểm M1(K0+00 có tọa độ X: 2315096.804; Y:546751.613) đến điểm N4 (K0+91 có tọa độ X: 2315073.219; Y:546663.366) dài 91m; (ii) Đoạn 2, đi theo ranh giới phía Đông của dự án từ điểm N4 (K0+91 có tọa độ X: 2315073.219; Y:546663.366) đến điểm N5 (K0+413, giáp đường Đông Tây có tọa độ X: 2315382.756; Y: 546580.095) dài 322m; (iii) Đoạn 3, đi theo ranh giới phía Bắc của dự án từ điểm N5(K0+413 có tọa độ X:2315382.756; Y:546580.095) đến điểm M2 (K0+537 có tọa độ X: 2315369.990; Y: 546462.772) dài 124m đầu nối vào cống qua đường Đông Tây.

- Hình thức: Ngầm hóa bằng cống hộp BTCT;
- Khẩu độ: BxH= (2,0x2,0) m;
- Chiều dài đoạn ngầm hóa khoảng: L=537 m;
- Cao độ đáy cống thiết kế tại K₀₊₀₀: + 3,1m (theo cao độ thủy lợi);
- Độ dốc đáy kênh ngầm hóa: i=10 cm/km. Hướng dốc từ K0+537 về K0+00 (từ điểm M2 về M1)

- Hố ga: Dọc đoạn kênh ngầm hoá với khoảng cách từ (30÷40) m bố trí 01 hố ga, cao độ đáy hố ga thấp hơn cao độ đáy cống tối thiểu là 0,5 m, hố ga có tấm nắp BTCT để thuận lợi cho việc thăm, thu, kiểm tra, nạo vét sau này. Tại điểm đầu và cuối đoạn kênh ngầm hoá; tại các cửa tập trung nước bố trí hèm phai, lưới chắn rác bằng INox để ngăn rác vào kênh ngầm hóa.

- Hoàn trả kênh tưới CT3 từ K0 đến K0+133 (điểm đầu đầu nối vào hạ lưu cống đầu kênh CT3 trên kênh Tây, điểm cuối đầu nối vào cống qua đường Đông Tây):

- Tuyến công trình: Đi theo ranh giới phía Bắc của dự án từ điểm Na (K₀₊₀ có tọa độ X:2315340.007; Y: 546303.544) đến điểm Nb (K₀₊₁₃₃ có tọa độ X: 2315365.35; Y:546433.651) dài 133 m;

- Hình thức: Ngầm hóa bằng cống hộp BTCT;
- Khẩu độ: BxH= (2,0x2,0) m;
- Chiều dài đoạn ngầm hóa khoảng: L=133 m;
- Cao độ đáy cống thiết kế tại K₀₊₀: + 3,9 m (theo cao độ thủy lợi);
- Độ dốc đáy kênh ngầm hóa: i=10 cm/km. Hướng dốc từ K₀ về K₀₊₁₃₃
- Hố ga: Dọc đoạn kênh ngầm hoá với khoảng cách từ (30÷40) m bố trí 01 hố ga, cao độ đáy hố ga thấp hơn cao độ đáy cống tối thiểu là 0,5 m, hố ga có tấm nắp BTCT để thuận lợi cho việc thăm, thu, kiểm tra, nạo vét sau này. Tại điểm đầu và cuối đoạn kênh ngầm hoá; tại các cửa phân nước bố trí hèm phai, lưới chắn rác bằng INox để ngăn rác vào kênh ngầm hóa.

- Xây dựng cống đầu kênh CT3 trên bờ tả kênh Tây: khẩu độ D600; cao độ đáy +3,9 m; trang bị dàn van, cánh cống, máy đóng mở V1.

- **Hoàn trả kênh tiêu KT5 từ K0+771 đến K1+774 (điểm đầu đầu nối vào hạ lưu cống qua đường ĐT.379)**

++ Hoàn trả kênh tiêu KT5

- Tuyến công trình: (i) Đoạn 1: Từ điểm đầu nối vào kênh KT5 tại K0+771 (điểm M3 có tọa độ X: 2314562.52; Y: 547104.097) đi theo ranh giới phía Đông của dự án đến điểm N13 (K0+956 có tọa độ X: 2314386.091; Y: 547128.871), dài 185 m; (ii) Đoạn 2: từ điểm N13 (K0+956 có tọa độ X: 2314386.091; Y: 547128.871) đến điểm N16 (K1+537 có tọa độ X: 2314278.073; Y: 546558.276) đi theo ranh giới phía Nam dự án dài 581m; (iii) Đoạn 3: từ điểm N16 (K1+537 có tọa độ X: 2314278.073; Y: 546558.276) đến điểm M4 (K1+774, có tọa độ X: 2314500.05; Y: 546500.644), tuyến kênh đi theo ranh giới phía Tây dự án, đầu nối vào hạ lưu cống qua đường ĐT.379, dài 237m.

- Hình thức: Ngầm hóa bằng cống hộp BTCT;

- Khẩu độ: BxH= 3,0x3,0m;

- Chiều dài đoạn ngầm hóa khoảng: L=1.003 m;

- Cao độ đáy cống thiết kế tại K0+771: + 2,72 m; Tại K1+774: +2,82 m (theo cao độ thủy lợi);

- Độ dốc đáy kênh ngầm hóa: i=10 cm/km. Hướng dốc từ K1+774 về K0+771;

- Hồ ga: Dọc đoạn kênh ngầm hoá với khoảng cách từ (30÷40) m bố trí 01 hồ ga, cao độ đáy hồ ga thấp hơn cao độ đáy cống tối thiểu là 0,5m, hồ ga có tấm nắp BTCT để thuận lợi cho việc thăm, thu, kiểm tra, nạo vét sau này. Tại điểm đầu và cuối đoạn kênh ngầm hoá; tại các cửa phân nước bố trí hèm phai, lưới chắn rác bằng INox để ngăn rác vào kênh ngầm hóa.

++ Hoàn trả các công trình trên kênh

TT	Lý trình theo dự án	Công trình thủy lợi		Các chỉ tiêu thiết kế kỹ thuật công trình thủy lợi					Ghi chú
		Tên công trình	Vị trí	Hình thức	Khẩu độ (BxH)m	Cao độ đáy thiết kế	Lắp đặt HT điều tiết	Biện pháp	
1	Vị trí số 1 (M3)	Cống trên kênh KT5	K0+771	Hộp	BxH≥ (3,0*3,0)	+2,72	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
2	Vị trí số 2	Cống trên kênh nội	K0+987	Hộp	BxH≥ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn

		đồng (KT5)							rác bằng inox
3	Vị trí số 3	Cổng trên kênh KT5- 4	K ₁₊₉₄	Hộp	BxH≥ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
4	Vị trí số 4	Cổng trên kênh KT5- 6	K ₁₊₂₂₄	Hộp	BxH≥ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
5	Vị trí số 5	Cổng trên kênh nội đồng (KT5)	K ₁₊₃₅₆	Hộp	BxH≥ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
6	Vị trí số 6	Cổng trên kênh KT5- 8	K ₁₊₄₂₆	Hộp	BxH≥ (1,5*1,5)	+3,0	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox
7	Vị trí số 7 (M4)	Cổng trên kênh KT5	K ₁₊₇₇₄	Hộp	BxH≥ (3,0*3,0)	+2,82	Làm khe phai	Làm mới	Lắp đặt lưới chắn rác bằng inox

Ngoài ra, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- + Thực hiện thi công nhanh gọn, dứt điểm, tránh thi công kéo dài;
- + Làm kè chắn khu vực thi công để không ảnh hưởng đến hoạt động tưới tiêu nông nghiệp cũng như tiêu thoát nước khu vực.

- + Nước thải trong quá trình xây dựng sẽ xây dựng hồ lắng để xử lý lượng nước thải này và sẽ tuần hoàn tận dụng triệt để tưới ẩm, vệ sinh máy móc, thiết bị thi công trong quá trình san lấp để hạn chế bụi nên không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường.

Vì vậy, tác động đến công trình thủy lợi, sản xuất nông nghiệp là nhỏ và chỉ diễn ra tạm thời trong thời gian thi công xây dựng.

b- Giai đoạn vận hành

**** Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí***

- Bụi, khí thải và tiếng ồn từ phương tiện giao thông: Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào, trồng nhiều cây xanh giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho dự án.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu: Khô nhà ăn tại khu ký túc xá sinh

viên bố trí cửa sổ thông gió và bố trí quạt hút khu vực nấu ăn;

- Mùi từ hệ thống thu gom xử lý nước thải, khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thường xuyên nạo vét cống rãnh thoát nước, định kỳ hút bùn cặn bể tự hoại và vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày để tránh phát tán mùi hôi thối.

- Lắp đặt hệ thống xử lý mùi từ bể thu gom, điều hòa và bể trung gian của hệ thống xử lý nước thải tập trung với quy trình như sau:

Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Khí thải đạt quy chuẩn thải ra ngoài môi trường.

- Lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ phòng thí nghiệm:

Khí thải từ phòng thí nghiệm → Màng lọc (than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường.

*** Các công trình và biện pháp xử lý nước thải**

Biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn

- Cống thoát là hệ thống cống bê tông tròn cốt thép đúc sẵn DN400. Độ dốc của cống là 0,1%.

- Lắp đặt hệ thống song chắn rác tại các hố ga để tách rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước, rác đọng lại trên song được thu gom theo chất thải rắn.

- Khi vào mùa mưa, hàng tháng phải có đội vệ sinh môi trường vệ sinh, nạo vét các hố ga, đường cống dẫn nước, không để rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

Giáo dục ý thức (hoặc có biện pháp) để công nhân làm việc trong Dự án luôn vệ sinh sạch sẽ khu vực sinh sống của mình và thu gom rác thải đúng nơi quy định.

Biện pháp xử lý nước thải tập trung:

- Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu giảng đường, ký túc xá, nhà điều hành chung, khu giáo dục quốc phòng, khu nhà dịch vụ được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải phòng thí nghiệm từ khu nghiên cứu khoa học được xử lý sơ bộ trước khi thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Chủ đầu tư dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung với công suất 3.500m³/ngày đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật HTKT-01 nằm phía Đông của dự án. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 02:2019/HY trước khi thoát ra kênh tiêu KT3.

Tóm tắt sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

- Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải phòng thí nghiệm: NT phòng thí nghiệm → Hộp tách rác → Bể điều hòa → Bể phản ứng pH → Bể oxy hóa → Bể phản ứng tạo bông → Bể keo tụ → Bể lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: NTSH sau bể tự hoại và nước thải từ phòng thí nghiệm sau khi xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Selector → Bể Aser →

Bể trung gian → Hệ lọc → Bể khử trùng → Mương quan trắc online → Nước thải sau xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY, QCVN 40:2025/BTNMT, cột A thải ra nguồn tiếp nhận là kênh tiêu KT3.

Bùn dư từ bể lắng được hồi bùn một phần về bể xử lý sinh học thiếu khí, lượng còn lại được bơm về bể chứa bùn sau đó qua máy ép bùn băng tải để tách nước. Bùn thải sau khi ép được định kỳ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

*** Công trình lưu giữ chất thải**

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay từ nguồn tại từng khu chức năng và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, cụ thể:

- Đối với khu vực giảng đường, nhà điều hành, khu ký túc xá, khu nghiên cứu khoa học: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường được chủ đầu tư trang bị thùng rác, phân loại tại nguồn theo quy định.

- Đối với đường giao thông nội bộ: bố trí hệ thống các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín với màu sắc, ký hiệu chỉ dẫn, dung tích khoảng 120-150 lít/thùng tại các vị trí có khả năng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường với khoảng cách 100m/thùng để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường theo quy định.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với các đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường của dự án theo quy định với tần suất 01 ngày/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống thoát nước, bể tự hoại, trạm xử lý tập trung:

+ Hợp đồng với các đơn vị chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý bùn thải từ các công trình xử lý nước thải, bể tự hoại và từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước trong phạm vi dự án theo quy định với tần suất khoảng 6 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Chất thải nguy hại:

Bố trí 01 điểm diện tích 15m² tại khu HTKT-01, cạnh trạm xử lý nước thải sinh hoạt của dự án để lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại của dự án. Kho lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành, trong kho bố trí 05 thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 200lit/thùng, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ.

Định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại của dự án cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

*** Giám sát giai đoạn thi công xây dựng:**

*** Giám sát môi trường không khí:**

- Vị trí giám sát: 04 vị trí tại khu vực đầu và cuối khu đất thực hiện dự án;
- Thông số giám sát: Vi khí hậu (Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió), bụi, SO₂, CO, NO₂;

- Tần xuất lấy mẫu giám sát: 06 tháng/lần trong quá trình xây dựng;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2025/BNNMT;

*** Giám sát chất thải rắn**

- Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn thông thường, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý;

*** Giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm**

Dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường và phải có giấy phép môi trường, có công trình xử lý nước thải tập trung của dự án thuộc đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm, quy định tại khoản 13 điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án có trách nhiệm giám sát mẫu nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 8 điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025.

*** Giám sát trong giai đoạn vận hành của dự án**

Giám sát nước thải

- Chương trình quan trắc tự động: giám sát nước thải sinh hoạt sau HTXL NTTT tại mương quan trắc online thông qua trạm quan trắc tự động, liên tục. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục các thông số: lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, amoni. Các dữ liệu này được kết nối và truyền dữ liệu tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

- Chương trình quan trắc định kỳ

+ Vị trí giám sát: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của dự án

+ Thông số giám sát: Lưu lượng; pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng P, Độ màu, Cu, Zn, Fe, Amoni, Tổng Phenol, Sunfua, Clorua (Cl⁻), Clo dư, Tổng dầu mỡ khoáng và Tổng Coliforms.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/HY (K_q= 0,9; K_f=1; K_{HY}= 0,85)

Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết, trung chuyển chất thải của dự án

- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;
- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình hoạt động và định kỳ 1 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên

2.4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Sự cố cháy nổ
 - Tại dự án bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa trên các tuyến ống chính phù hợp theo tiêu chuẩn quy định và gần các cụm công trình, thuận tiện cho xe cứu hỏa hoạt động khi có cháy.
 - Bố trí các bình chữa cháy cầm tay dọc hành lang tại các khu nhà.
 - Lắp đặt hệ thống chống sét cho công trình.
 - Thường xuyên tập huấn tại chỗ nghiệp vụ an toàn và diễn tập PCCC.
 - Khi xảy ra sự cố cháy nổ phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó cần thiết theo phương án đã đề ra, trong trường hợp vượt quá khả năng phải báo ngay cho cơ quan chữa cháy tại địa phương để phối hợp giải quyết.
 - Phải khẩn trương đưa những người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để chăm sóc sức khỏe.
- Sự cố tại trạm xử lý nước thải:
 - + Tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
 - + Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như bơm nước thải, máy thổi khí, bơm bùn... để đảm bảo thời gian khắc phục sự cố ngắn nhất.
 - + Trạm xử lý nước thải được thiết kế để vận hành liên tục với các mô đun; thiết kế hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa đảm bảo thời gian lưu chứa tối đa trong trường hợp xảy ra sự cố.
 - + Các cán bộ vận hành phải có chuyên môn và được tập huấn chi tiết về vận hành trạm xử lý nước thải.

Khi nước thải đầu ra không đạt QCDP 02:2019/HY cần kiểm tra lại hoạt động của các thiết bị trong bể, xem lại nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải, liên hệ với đơn vị thiết kế thi công để tìm nguyên nhân. Trong thời gian chờ khắc phục hệ thống, nước thải được lưu giữ tạm thời trong bể thu gom, điều hòa. Khi các bể này không có khả năng chứa thì chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển nước thải đi xử lý.

- Sự cố vỡ đường ống cấp nước, thoát nước: Đường ống dẫn nước sẽ có đường cách ly an toàn. Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất. Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống nước là xây dựng 01 hệ thống cống thoát nước xung quanh

những vị trí có khả năng gây đổ vỡ đường ống.

- Sự cố mất nước: Thiết kế, tính toán dung tích các bể chứa nước ngầm và bể chứa nước trên mái của các công trình đủ để cấp nước sinh hoạt trong khoảng thời gian 3 ngày. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống đường ống cấp nước.

3. Cam kết của Chủ dự án

3.1. Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật

Dựa vào những đánh giá trên về tác động của dự án tới môi trường cũng như những điều khoản trong Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định về bảo vệ môi trường, các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh Hưng Yên, trong giai đoạn vận hành dự án chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường cụ thể như sau:

- Công khai báo cáo ĐTM khi được phê duyệt tại địa phương phục vụ công tác giám sát môi trường.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương 4.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, cụ thể:

- Đối với nước thải:

+ Cam kết xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

+ Cam kết đầu tư HTXL nước thải sinh hoạt công suất 3.500m³/ngày đảm bảo công suất xử lý nước thải cho dự án. Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các công trình khu giảng đường, khu nhà điều hành, khu ký túc xá, khu nhà giáo dục quốc phòng an ninh, khu nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại mỗi công trình sau đó thu gom qua hệ thống thoát nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để đảm bảo tiêu chuẩn QCVN 02:2019/HY trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận là kênh tiên KT3 nằm phí Đông dự án.

- Đối với chất thải:

+ Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ đúng theo quy định về quản lý CTNH tại thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Cam kết vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định;

+ Cam kết áp dụng các biện pháp che chắn công trình thi công, che chắn xe chở nguyên vật liệu, thu gom chất thải xây dựng, vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển đảm bảo không để phát tán bụi ra môi trường xung quanh trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình vận chuyển.

+ Cam kết đảm bảo về an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình;

+ Cam kết nghiêm túc thực hiện các quy định về an ninh trật tự của địa phương và các quy định khác của pháp luật;

- Đối với sự cố:

+ Trước khi thi công chủ đầu tư sẽ thông báo với địa phương cùng với địa phương kiểm tra thực trạng các tuyến đường dân sinh. Cam kết chịu trách nhiệm đến cùng đối với các sự cố do chủ đầu tư gây ra trong quá trình thi công dự án: đền bù thiệt hại cho người dân và thực hiện các giải pháp khắc phục ngay nếu xảy ra sự cố.

+ Cam kết đền bù thiệt hại trong quá trình hoạt động nếu để xảy ra sự cố môi trường;

+ Thực hiện các biện pháp, các quy định vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ các công trình giao thông.

+ Nộp đầy đủ các phí, lệ phí môi trường (nếu có).

3.2. Cam kết với cộng đồng

Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án (các ý kiến trong quá trình tham vấn cộng đồng). Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cam kết thực hiện, quan tâm thực hiện các yêu cầu của cộng đồng dân cư tại buổi họp tham vấn cộng đồng đảm bảo triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, không phá hủy các công trình văn hóa, giao thông của địa phương.

Cam kết có kế hoạch duy tu, sửa chữa các tuyến đường bị xuống cấp do hoạt động thi công, vận chuyển. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không để xảy ra ngập úng tại khu vực;

Cam kết thực hiện các biện pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cán bộ và sinh viên.

3.3. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án

Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Cam kết thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2016 của Chính phủ.

Cam kết chủ động thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện các nguy cơ sự cố để

kịp thời khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng, đặc biệt là hoạt động thi công của các nhà thầu. Đảm bảo các điều kiện an toàn trong quá trình xây dựng, hoạt động của dự án, xây dựng và chủ động tổ chức thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rủi ro. Yêu cầu của các nhà thầu phải tuân thủ các quy định về an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định, dừng thi công khi không đảm bảo các yêu về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

Cam kết áp dụng các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng đến môi trường và đời sống, sinh hoạt của khu dân cư xung quanh; có phương án thi công, vận tải đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực; hạn chế sử dụng các loại máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn trong giờ cao điểm.

Cam kết sử dụng cát san lấp mặt bằng phải có nguồn gốc pháp lý rõ ràng, được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định của pháp luật;

Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

